

# GIÁM CHUA VÀ SỰ TỬ: NHÂN VẬT ĐỒ PHỤ TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM TRUNG ĐẠI

PHẠM VĂN HÙNG\*

**Tóm tắt:** Trong lịch sử và văn hóa Việt Nam trung đại, khi Nho giáo cắm rễ một cách vững vàng, người đàn bà “hay ghen”, có tính ghen, máu ghen (đồ phụ) là nhân vật bị coi là không phù hợp với chuẩn mực của đạo đức xã hội, luật pháp đương thời. Trong văn học Việt Nam trung đại, hình tượng đồ phụ đã di chuyển qua nhiều góc nhìn mà ở đó, họ hoặc bị coi là ác phụ, hoặc được “miễn tội”. Có trường hợp, họ còn nhận được sự cảm thông, chia sẻ bởi chính tác giả và “nạn nhân”. Việc nghiên cứu nhân vật này không đơn thuần là nhìn lại “uy vũ” của phái nữ trước nam giới, mà còn là xem xét bước tiến của tư tưởng nhân đạo và nữ quyền trong đời sống văn hóa, văn học Việt Nam.

**Từ khóa:** đồ phụ, văn học Việt Nam trung đại, nữ quyền, định kiến giới, nhân đạo.

## VINEGAR AND LIONESSES: JEALOUS WOMEN IN MEDIEVAL VIETNAMESE LITERATURE

**Abstract:** Within the history and culture of medieval Vietnam, the increasing influence of Confucianism led to the “jealous woman” being traditionally regarded as a figure who transgressed social moral standards and contemporary laws. In medieval Vietnamese literature, portrayals of the jealous woman shifted over time: they were sometimes condemned as “wicked women,” while in other instances, they were “acquitted” of their alleged faults. Occasionally, these characters even received sympathy and understanding from both authors and their so-called “victims.” Examining this character type extends beyond analyzing the “power” of women over men; it also illuminates the development of humanitarian thought and early feminist perspectives within Vietnam’s cultural and literary context.

**Keywords:** jealous women, medieval Vietnamese literature, women’s rights, gender prejudice, humanitarian.

*Ngày nhận bài: 20.01.2026; ngày gửi phản biện: 20.01.2026;  
ngày nhận bài sửa: 27.01.2026; ngày duyệt đăng: 10.02.2026.*

*“Thế trong dù lớn hơn ngoài  
Trước hàm sư tử gửi người đấng la  
Cúi đầu luôn xuống mái nhà  
Giám chua lại tội bằng ba lửa nồng”  
(Truyện Kiều - Nguyễn Du)*

### 1. Đặt vấn đề

Trong lịch sử và văn hóa Việt Nam trung đại, khi Nho giáo cắm rễ một cách vững vàng, người đàn bà “hay ghen”, có tính ghen, máu ghen (đồ phụ) là nhân vật bị coi là không phù

---

\* TS. - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Email: asianphilology@gmail.com

hợp với chuẩn mực của đạo đức xã hội, luật pháp đương thời. Trong văn học Việt Nam trung đại, theo những tư liệu còn lại, hình tượng đồ phụ đã di chuyển qua nhiều góc nhìn mà ở đó, họ hoặc bị coi là ác phụ, hoặc được “miễn tội”, hoặc được coi như nhân vật phản diện, nhưng chưa từng bị trừng trị bởi pháp luật, dù đó là pháp luật tùy hứng kiểu “báo ân báo oán”. Có trường hợp, họ còn nhận được sự cảm thông, chia sẻ cả từ phía tác giả và “nạn nhân”. Việc nghiên cứu nhân vật đồ phụ trong văn học Việt Nam trung đại không đơn thuần là nhìn lại “uy vũ” của phái nữ trước nam giới (vì nạn nhân của họ phần lớn chính là phụ nữ), mà còn là xem xét bước tiến của tư tưởng nhân đạo và nữ quyền trong đời sống văn hóa, văn học Việt Nam.

## 2. Nội dung

### 2.1. Nhân vật đồ phụ nhìn từ điển chế và pháp luật

Theo *Hán Việt từ điển giản yếu* của Đào Duy Anh, “đố” là “ghen ghét”, “đồ phụ” là “người đàn bà hay ghen (femme jalouse)”<sup>1</sup>. *Từ hải* cho rằng: “Đố: Phụ nữ tương tật kị dã” (Đố: Phụ nữ ghét nhau gọi là “đố”)<sup>2</sup>. Theo *Từ điển Tiếng Việt*, “ghen” đồng nghĩa với “ghen tuông”, là “khó chịu, tức tối, vì biết hoặc ngờ sự thiếu chung thủy của vợ, chồng hay người yêu”<sup>3</sup>. Như Henri Bénac tổng kết: Ghen (Jalousie) là tình cảm đau đớn nảy sinh khi một người thấy “đối tượng mà mình thêm muốn” bị một người khác sở hữu, “nhất là trong lĩnh vực yêu đương khi tình yêu không êm thấm hoặc bị tước đoạt”<sup>4</sup>.

Bằng sự ước đoán cá nhân, nhà nghiên cứu văn hóa Nhất Thanh Vũ Văn Khiếu từng khái quát rằng: “Nói về đức tính đàn bà Việt Nam thì cũng phải nói đến ghen, có lẽ đàn bà thế giới ít ai bị”<sup>5</sup>. Trong xã hội Đông Á truyền thống, người phụ nữ (bị coi là) có tính ghen, máu ghen được “quan tâm” ở một mức độ đáng kể. Người xưa thậm chí còn tổng kết các kinh nghiệm về tướng mạo của người phụ nữ có tính “đố kị”. Dẫn rằng “đố kị” (ghen ghét) và “ghen” (trên phương diện tình cảm nam nữ) không hoàn toàn là một nhưng cũng được xem là có sự giao thoa nhất định. *Kinh Thi*, một trong Ngũ kinh của Nho giáo, cũng có hai bài *Thư cưu* và *Chung tu* mà Chu Công cho là “đều ca ngợi đức tính không ghen tuông”<sup>6</sup>. Theo Phan Khôi, “Sách nữ huấn hay nữ giới nào cũng dạy: cũng cho ghen là tật xấu”<sup>7</sup>.

Trong các quy định pháp luật thời trung đại theo truyền thống Nho giáo, người phụ nữ ghen tuông có thể là một trong bảy lí do để người chồng li dị (thất xuất), nhưng trong *Quốc triều hình luật* (Luật Hồng Đức) và *Hồng Đức thiện chính thư* thời Hậu Lê lại không nhắc đến vấn đề đó<sup>8</sup>. Quan niệm về “thất xuất” (bảy lí do bỏ vợ) và “tam bất khả xuất” (ba lí do nhất quyết

<sup>1</sup> Đào Duy Anh (Biên soạn), *Hán Việt từ điển giản yếu*, Hãn Mạn Từ hiệu đính (Sài Gòn: Trường Thi xuất bản, 1957), 291.

<sup>2</sup> Thư Tân Thành, Thẩm Di, Từ Nguyên Cáo và Trương Tương (Chủ biên), *Từ hải*, Hợp đính bản (Đài Loan: Trung Hoa thư cục, 1994), 379.

<sup>3</sup> Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển Tiếng Việt* (Đà Nẵng & Hà Nội: NXB Đà Nẵng & Trung tâm Từ điển học, 2020), 610.

<sup>4</sup> Henri Bénac, *Dẫn giải ý tưởng văn chương*, Nguyễn Thế Công dịch (Hà Nội: NXB Giáo dục, 2005), 458.

<sup>5</sup> Nhất Thanh, *Đất lề quê thói* (Hà Nội: NXB Văn hóa - Thông tin, 2001), 84.

<sup>6</sup> Dịch Trung Thiên, *Chuyện đàn ông, đàn bà Trung Quốc*, Sơn Lê dịch (Hà Nội: NXB Phụ nữ, 2014), 214.

<sup>7</sup> Phan Khôi, *Vấn đề phụ nữ ở nước ta*, Lại Nguyên Ân giới thiệu và tuyển chọn (Hà Nội: NXB Phụ nữ, 2017), 436.

<sup>8</sup> Nguyễn Ngọc Nhuận (Chủ biên), *Điển chế và pháp luật Việt Nam thời trung đại*, Tập 1 (Hà Nội: NXB Khoa học xã hội, 2011), 456.

không được bỏ vợ) là một sự kế thừa từ các điển chế xưa của Trung Quốc. “Điều lệ ‘thất xuất’ được thấy sớm nhất trong *Đại Đái Lễ kí - Bản mệnh* và được gọi là ‘thất khứ’. Lúc đó, đây mới chỉ là một quy phạm luân lí nghiêm khắc, chứ chưa trở thành pháp luật quốc gia. Các triều Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh đã chính thức xếp điều khoản này trong chính bản luật lệnh (...) chỉ có điều là thứ tự sắp xếp của ‘thất xuất’ có hơi khác so với *Đại Đái Lễ kí*: Không có con, dâm dật, không phụng dưỡng cha mẹ chồng, lảm mồm, trộm cắp, ghen tuông, có ác tật”<sup>1</sup>. Triều Nguyễn hầu như không sáng tạo gì thêm trong các “điều kiện cứng” này. Dưới triều Nguyễn, các điều luật về li dị cũng khá gần với các quy định dưới thời Hậu Lê: “Có 7 điều phải bỏ vợ là: không có con, dâm dật, không phụng dưỡng cha mẹ chồng, chua ngoa lảm điều, trộm cắp, ghen ghét đố kỵ, có ác tật”<sup>2</sup>.

## 2.2. Nhân vật đồ phụ trong văn học Việt Nam thế kỉ X - XVII

Trong những tác phẩm văn học Lí - Trần còn lại đến ngày nay, chuyện người phụ nữ ghen tuông cơ hồ không được khai thác. Chỉ còn lại trong *Lĩnh Nam chích quái* câu chuyện vua Trần Dụ Tông vì không chiếm được tình cảm của quận chúa A Kim nên “thường lấy làm giận” rồi sai Hà Ô Lôi đến quyến rũ quận chúa và làm quận chúa phải “xấu hổ” khi vào chầu<sup>3</sup>. Đến thời Lê sơ, “cái ghen đàn ông”<sup>4</sup> chỉ thoáng trong bài thơ được cho là của Nguyễn Trãi (1380-1442) “nhấn nhủ” Nguyễn Thị Lộ khi bà (có vẻ) đã lọt vào “mắt xanh” của Lê Thái Tông: “Ngoài ấy dầu còn áo lẻ/ Cả lòng mượn đắp lấy hơi cùng”<sup>5</sup>. Cũng trong thời Lê sơ, câu chuyện “ghen tuông” nổi tiếng nhất là chuyện về Nghiêm Viên. Năm 1496, vua Lê Thánh Tông “thân hành thi công sĩ”, Nghiêm Viên đỗ tiến sĩ cập đệ, sau đó “lấy công chúa, đến lúc về nhà, bị vợ đánh thuốc độc chết”<sup>6</sup>, nhưng trong những tư liệu văn học hiện còn thì câu chuyện này không được chuyển từ sử sang văn.

Sang khoảng nửa trước thế kỉ XVI, *Truyện kì mạn lục* của Nguyễn Dữ (?-?) là một điểm nhấn về đề tài đồ phụ trong văn học Việt Nam trung đại dù chỉ là những nét phác thảo qua. *Chuyện nghiệp oan của Đào thị* kể về bà vợ của quan Hành khiển Ngụy Nhưộc Chân “không có con mà tính hay ghen, ngờ Hàn Than tư thông với chồng, bắt nàng đánh một trận rất là tàn nhẫn”<sup>7</sup>. Việc làm của vợ Nhưộc Chân bắt nguồn từ “tư chất” được gán cho là “tính hay ghen”, cộng với hoàn cảnh “nhạy cảm” luôn đe dọa vị trí chính thất của bà (không có con) và sự “phong lưu” của người chồng (để một “danh kĩ” như Hàn Than “thường đi lại” nhà mình). Hành động đánh ghen của bà ta là hành động không kể lí lẽ, không nể mặt chồng và thể hiện cái uy của người là “vợ quan Hành khiển”. *Chuyện yêu quái ở Xương Giang*

<sup>1</sup> Nhiều tác giả, *Lịch sử văn hoá Trung Quốc*, Tập 1, Trần Ngọc Nhuận, Đào Duy Đạt và Đào Phương Chi dịch (Hà Nội: NXB Văn hoá - Thông tin, 1999), 784-785.

<sup>2</sup> Nguyễn Ngọc Nhuận (Chủ biên), *Điển chế và pháp luật Việt Nam thời trung đại*, Tập 3A (Hà Nội: NXB Khoa học xã hội, 2011), 374-375.

<sup>3</sup> Xem thêm: Trần Thế Pháp, *Lĩnh Nam chích quái*, Vũ Quỳnh, Kiều Phú nhuận chính, Đinh Gia Khánh, Nguyễn Ngọc San phiên dịch (Tp. Hồ Chí Minh & Gia Lai: NXB Trẻ & NXB Hồng Bàng, 2013), 118-121.

<sup>4</sup> Tên một truyện ngắn của Vũ Trọng Phụng.

<sup>5</sup> Viện Sử học (Biên soạn), *Nguyễn Trãi toàn tập* (Hà Nội: NXB Khoa học xã hội, 1976), 464.

<sup>6</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Tập 1, Tổ Biên dịch Viện Sử học dịch (Hà Nội: NXB Giáo dục, 2007), 1145.

<sup>7</sup> Cù Hựu, Nguyễn Dữ, *Tiền đăng tân thoại, Truyện kì mạn lục*, Phạm Tú Châu, Ngô Văn Triện dịch, Trần Thị Băng Thanh giới thiệu và chỉnh lí (Hà Nội: NXB Văn học, 1999), 279-280.

cũng viết về một đồ phụ theo lối điểm xuyết như vậy, trong đó, vợ của phú thương họ Phạm vì ghen với Thị Nghi mà “mượn có khác đánh Thị Nghi một trận đau quá đến chết”<sup>1</sup>. Cả trong lời văn của tác giả và phần lời bình (mà cho đến nay chưa rõ hẳn là của Nguyễn Dữ hay của người khác) ở cả hai truyện đều không bày tỏ thái độ với kiểu nhân vật này, duy có tác phẩm trước nói rõ đó là Đào thị bị oan (“nghiep oan”). Còn lại, phần lời bình tập trung vào phán xét các nhân vật nam giới, thậm chí còn phê phán “hòn Thị Nghi”, răn dạy nam giới về sự nguy hại của nữ sắc<sup>2</sup> mà không bênh vực hay nói được một lời phải chăng về giai đoạn Thị Nghi còn là nạn nhân của chế độ gả bán, chế độ vợ lẽ, nàg hầu và nạn nhân của sự ghen tuông. Việc hòn Thị Nghi không quay lại trả thù vợ phú thương họ Phạm mà “hung yêu tác quái” chứng tỏ đó là một hành vi phản kháng đối với trật tự xã hội, dấu đó không phải là một sự phản kháng tích cực.

Gián đoạn một thời gian dài, đến khoảng cuối thế kỉ XVII - đầu thế kỉ XVIII, truyện *Nôm Song Tinh bất dạ* (được cho là viết khoảng năm 1700) của Nguyễn Hữu Hào (?-1713) cũng có nhắc đến chuyện “ghen”, nhưng đó chỉ là một chút gia vị cho câu chuyện chứ không tham gia vào sự vận động của cốt truyện: Khi gặp nạn, Nhụy Châu nhờ nàg hầu của mình là Thê Vân thay mình nâng khăn sửa túi cho Song Tinh. Hai nàg coi nhau như chị em, rất thân thiết nên khi gặp lại, Nhụy Châu đã nửa tình nghịch nửa tò mò “dò la” việc Thê Vân và Song Tinh động phòng hoa chúc. Lúc Thê Vân phân bua rằng không có gì để kể (vì hai người chỉ “cưới chay”), thì Nhụy Châu đã bảo nàg chỉ “vui miệng hỏi chơi” chứ không phải là “ghen tuông” (“Ghen tuông chi đó, nữ lời man nhau”). Cuộc sống lứa đôi “Chàng cùng hai ả song nga” của họ cũng được Nguyễn Hữu Hào mô tả là “Chen vai loan phượng, xướng hòa thư cu”<sup>3</sup>, tức không có ghen tuông, đó kị.

### 2.3. Nhân vật đồ phụ trong văn học Việt Nam thế kỉ XVIII - nửa trước thế kỉ XIX

Đến thế kỉ XVIII - nửa trước thế kỉ XIX, nhân vật đồ phụ trong văn học Việt Nam trung đại mới có những “diễn hình” mới là Tú Bà và Hoạn Thư, hai nhân vật trong *Truyện Kiều* (hay *Đoạn trường tân thanh*) của Nguyễn Du (1766-1820), một tác phẩm vay mượn cốt truyện *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc). Trong đó, Hoạn Thư là nhân vật tiêu biểu hơn cả, thậm chí đã trở thành một biểu tượng về máu ghen, tính ghen trong khẩu ngữ của người Việt. Về nhân vật Tú Bà, khi biết Thúy Kiều và Mã Giám Sinh “đã khi chung chạ lại khi đứng ngồi”, mẹ đã “nổi Tam Bành mẹ lên”<sup>4</sup>. Trong diễn biến tâm lí của Tú Bà, sự ghen tuông không được nhấn mạnh như một “tính cách”. Việc mẹ “nổi Tam Bành” và chỉ đích danh Kiều là “cướp sống chồng mình” chỉ là dạo đầu cho một màn kể lể, than khổ nói ngay sau về việc tên “chồng” (Mã Giám Sinh) “vô nghĩa, ở bất nhân”, “buồn mình trước đã tằn mằn thử chơi”, về việc “màu hồ đã mất đi rồi” và “vốn liếng đi đời nhà ma”, chứng tỏ việc nổi giận, nổi ghen trước sự kiện “cướp chồng” là không đáng kể. Ngược lại với Tú Bà, nhân vật Hoạn Thư không “nổi Tam Bành”, không chỉ mặt “tình địch” và gọi đó là kẻ “cướp chồng” bao giờ.

<sup>1</sup> Cù Hựu, Nguyễn Dữ, *Tiền đăng tân thoại, Truyện kì mạn lục*, 326.

<sup>2</sup> Như trên, 295, 325.

<sup>3</sup> Nguyễn Hữu Hào, *Truyện Song Tinh*, Hoàng Xuân Hãn biên khảo, giới thiệu (Hà Nội: NXB Văn học, 1987), 176, 181, 196, 200, 212.

<sup>4</sup> Phạm Đan Quế, *Truyện Kiều đối chiếu* (Hà Nội: NXB Hà Nội, 1991), 195.

Trong nguyên truyện, Thúy Kiều và Thúc Sinh đã hơn một lần gọi đích danh Hoạn Thư là “đồ phụ”: “Tiểu thư, tiểu thư, mi thực là con đồ phụ hiểm độc!” (Thúy Kiều); “Con đồ phụ đây là kẻ dám nghĩ dám làm” (Thúc Sinh)<sup>1</sup>. Do đặc thù thể loại tiểu thuyết chương hồi, *Kim Vân Kiều truyện* có điều kiện (và có nhu cầu) diễn giải về mối quan hệ vợ cả (“kẻ lớn trong nhà”) với vợ lẽ kĩ càng hơn so với *Truyện Kiều*. Nếu như trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du chỉ nói về nhu cầu được “tôn trọng” (“lượng trên”) và việc giữ thể diện (“tiếng ghen”) và sự lo xa “ngứa ghê hờn ghen/ Xấu chàng, mà có ai khen chi mình”<sup>2</sup> ở Hoạn Thư thì *Kim Vân Kiều truyện* để Hoạn Thư tự nói với mình và “phân bua” với người khác rất kĩ về chuyện này: “Ta cũng đương mong chàng sẽ giấu giếm vì chàng thú thực cùng ta rằng đã trót lấy một con vợ bé thì ta cần phải tôn trọng chí khí của đấng trượng phu và giữ thể diện cho mình”, thậm chí giả lả trước mặt Thúc Sinh: “Nhưng theo ý thiếp thì đó cũng là việc tốt chứ có can phạm gì đâu mà chàng lại không bảo cho thiếp biết”<sup>3</sup>. Điều này chứng tỏ dù là Hoạn Thư trong nguyên truyện hay Hoạn Thư trong *Truyện Kiều* thì ám ảnh của văn hóa, pháp luật về việc coi “ghen”, “tiếng ghen” là xấu, đáng chê trách là có thật. Một nữ cường nhân như Hoạn Thư cũng không thoát khỏi lưới bẫy của định kiến giới này. Nhân vật vợ phú thương họ Phạm (*Chuyện yêu quái ở Xương Giang* - Nguyễn Dữ) cũng phải “mượn có khác” để đánh Thị Nghi vì nếu để lộ ra là đánh vì ghen thì sai cả về luật lẫn tình và là không nể mặt chồng. Hoạn Thư khác người, khác những đồ phụ còn lại ở chỗ Hoạn Thư biết giấu những cảm xúc bên ngoài để toan tính những chuyện trả thù hiểm độc bên trong và việc “đánh ghen” của Hoạn Thư nhằm cả vào tình địch và đức ông chồng, khiến Thúc Sinh mấy phen khốn đốn mà không kêu ca được gì. Chỉ có điều, trong nguyên truyện, khi gặp Kiều ở Quan Âm các, Thúc Sinh đã “chia sẻ” một thông tin: Trước đó, Hoạn Thư từng “không chịu” cho chàng ta “lấy vợ thiếp”<sup>4</sup> và hoàn cảnh của nhân vật Thúc Sinh cũng khá giống Ngụy Nhưộc Chân (*Chuyện nghiệp oan của Đào thị*) ở chỗ “Tông đường chút chứa cam lòng” (chưa có con nối dõi) - một trong những lí do “chính đáng” mà đàn ông ngày trước hay vin vào để cưới vợ lẽ, nàng hầu.

Đối với Thúy Kiều, nàng dự cảm rõ hơn ai hết cảnh tủ nhục của kiếp “lấy chồng chung” mà trong đó, người chồng thì nhu nhược và người vợ cả lại có máu ghen (“Giám chua lại tội bằng ba lửa nòng”)<sup>5</sup>. Chính vì vậy, nếu như trong nguyên truyện, Thúy Kiều xử Bạc Hạnh, Bạc Bà (những kẻ đẩy nàng vào lầu xanh lần hai) rồi mới đến Hoạn Thư thì trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du để Thúy Kiều xét xử Hoạn Thư đầu tiên (“Chính danh thủ phạm tên là Hoạn Thư”) trong “phiên tòa” báo ân báo oán. Trước một Thúy Kiều bề ngoài mát mẻ, ngọt nhạt và bên trong là bùng bùng lửa giận, Hoạn Thư kín đáo “hạ mình” bằng cách tự nhận mình là “chút phận đàn bà” (dù “đàn bà” kiểu “tiểu thư”, “con quan Lại bộ”) để ám chỉ mình cũng như Kiều,

<sup>1</sup> Phạm Đan Quế, *Truyện Kiều đối chiếu*, 329.

<sup>2</sup> Như trên, 287, 289.

<sup>3</sup> Như trên, 268-269, 282.

<sup>4</sup> Từ xưa đến nay, chế độ đa thê luôn luôn được dung thứ một cách ít nhiều công khai: Đàn ông có thể chung chăn gối với nữ nô lệ, người ở gái, vợ lẽ, người tình, gái điếm; nhưng buộc phải tôn trọng một số đặc quyền của người vợ chính thất”. Xem: Simone de Beauvoir, *Giới nữ*, Tập 2, Nguyễn Trọng Định dịch (Hà Nội: NXB Phụ nữ, 1996), 13.

<sup>5</sup> Phạm Đan Quế, *Truyện Kiều đối chiếu*, 329.

<sup>6</sup> Như trên, 248.

phải phục tùng chế độ nam tôn nữ ti, là người phải “chịu lép một bề” trong quan hệ chồng - vợ. Dẫn thêm một bước, Hoạn Thư mở rộng nội hàm của “phận đàn bà” bằng câu chuyện “Ghen tuông thì cũng người ta thường tình”<sup>1</sup> để nhấn mạnh việc “Lòng riêng, riêng những kính yêu/ Chồng chung chưa để ai chiều cho ai”, khiến Thúy Kiều phải chịu và “Truyền quân lệnh xuống trước tiên tha ngay”<sup>2</sup>, khác hẳn với nguyên truyện: Dù được tha tội chết nhưng Hoạn Thư vẫn bị các cung nữ của Thúy Kiều đem ra “lột trần áo xiêm rồi treo cổ lên đánh 100 trượng”<sup>3</sup>. Việc Hoạn Thư “thừa nhận” định kiến giới coi “ghen tuông” là “thường tình” của “đàn bà” chứng tỏ sự linh hoạt của nhân vật này. Hoạn Thư thừa hiểu ghen tuông, tiếng ghen là xấu, là đáng chê trách (theo quan điểm đương thời) và giữ thể diện cho bản thân, cho vị trí “kê trên” (“lượng trên”) bằng cách ra về thờ ơ trước sự trắng hoa của chồng, nhưng khi cần lại “bắt quàng” để biện hộ cho bản thân, coi đó là “căn tính” của giới nữ. Trong *Truyện Kiều* (mà nội dung cơ bản là kế thừa từ *Kim Vân Kiều truyện*), tác giả đã xây dựng được bộ ba nhân vật trong mối quan hệ này: Thúc Sinh - Thúy Kiều - Hoạn Thư, trong đó nhân vật Thúc Sinh “phải ra người bó tay”, bị người đời - như Nguyễn Văn Thắng (1802-1835) - gọi đích danh là “sợ vợ”<sup>4</sup>, một danh hiệu không mấy vinh dự thời trước bởi đó là biểu hiện của người đàn ông không “tề” được “gia” (theo quan điểm Nho giáo). Khi bàn về Thúc Sinh, Nguyễn Đôn Phục (1878-1954) cho rằng: “Xưa nay vấn đề sợ vợ, vẫn là cái vấn đề khó giải quyết (...). Sau mới xét ra, những người sợ vợ, đại để là những người vợ có thể lực; mà trong khuôn thể lực ấy, lại bao hàm có bốn cái tính chất: một là phẩm giá hơn chồng, hai là tài trí hơn chồng, ba là sản nghiệp hơn chồng, hoặc bốn nữa là vô đoan khẩu thiệt và vô lí hành vi hơn chồng”<sup>5</sup>.

Trong quan niệm của Nho giáo, khả năng “tề gia” là một năng lực quan trọng của người đàn ông (Lời bình *Chuyện nghiệp oan của Đào thị* gọi là “chính gia”). Năng lực “tề gia” của người đàn ông giống như một kiểu “đức hạnh” có khả năng lôi kéo và dẫn dắt (những) người vợ của họ đi vào “chính đạo”. Cuộc sống “Chen vai loan phượng, xướng hòa thư curu” của gia đình Song Tinh - Nhụy Châu - Thê Vân là một kiểu mẫu như vậy. Trong tác phẩm *An Ấp liệt nữ lục* ở tập *Truyện kì tân phá* của Đoàn Thị Điểm (1705-1748), sau khi nhân vật Đinh Nho Hoàn mất, người vợ thứ là Nguyễn thị (theo sử sách là Phan Thị Viên) đã tự tử theo chồng. Được cưới về để phục vụ cho một mục đích hoàn toàn thực dụng là “tiếp sức” cho người vợ cả “chỉ sinh toàn con gái”, bà được chồng “vừa yêu quý vừa kính trọng”. Trước khi vào nội dung chính của truyện, văn bản có bài *Tổng bình*: “Ai bảo đàn bà khó dạy?! Than thế gian/ Kê bạc hạnh nhiều thế a?! Mặc Trai nếu chẳng giỏi tề gia/ Phu nhân đâu chịu quyền sinh mà!”<sup>6</sup>. Bài *Tổng bình* trước tiên nhằm cải chính quan niệm “phụ nhân nan hoá” tồn tại dai dẳng trong đầu

<sup>1</sup> Trong văn học phương Tây, phụ nữ thường giữ vai trò là “người phụ nữ biểu tượng”, “trong tình yêu, người phụ nữ mang tiếng là hay thay lòng đổi dạ, độc ác, ghen tuông” (Bénac, *Dẫn giải ý tưởng văn chương*, 338). Trong một quảng cáo gia vị trên truyền hình đầu thế kỉ XXI, câu ca dao “Ốt nào mà ớt chẳng cay/ Gái nào mà gái chẳng hay ghen chồng” vẫn được sử dụng để làm nền cho vế sau: “Ghen chồng là bởi thương chồng/ Ớt cay, canh ngọt đượm nồng bên nhau”.

<sup>2</sup> Phạm Đan Quế, *Truyện Kiều đối chiếu*, 387-388.

<sup>3</sup> Như trên, 369.

<sup>4</sup> Phạm Đan Quế, *Truyện Kiều và các nhà nho thế kỉ XIX* (Hà Nội: NXB Thanh niên, 2003), 60.

<sup>5</sup> Trịnh Bá Đình, Nguyễn Hữu Sơn, Vũ Thanh (Tuyển chọn và giới thiệu), *Nguyễn Du, về tác gia và tác phẩm* (Hà Nội: NXB Giáo dục, 2003), 187.

<sup>6</sup> Đỗ Thị Hào (Chủ biên), *Các nữ tác gia Hán Nôm Việt Nam* (Hà Nội: NXB Khoa học xã hội, 2010), 154-155.

óc nhà nho thời trung đại, đồng thời nêu ra một vấn đề có tính thời sự là việc xuất hiện vô số “kẻ bạc hạnh” trong xã hội khi ấy. Cái chết của Nguyễn thị chính là hành vi trả một món nợ ân nghĩa đối với người chồng xấu số và góp phần khẳng định hành vi đó là sản phẩm của việc “giỏi tề gia” của Mặc Trai (Đình Nho Hoàn), và “giỏi tề gia” ở đây cũng đồng nghĩa với “đạy” (hoá) trong cụm “đàn bà khó dạy” (phụ nhân nan hoá)<sup>1</sup>.

Khoảng cuối thế kỉ XVIII, *Son cư tạp thuật* (Quyển tam) của Đan Sơn có hẳn một thiên mang tên “Đổ phụ”, trong đó cũng nhắc tới chuyện “vô đoan khẩu thiệt” và “tề gia”: “Có vị Thượng thư Mỗ vợ có tính ghen rất ghê gớm, lấy thiếp phải để ở nhà khác, mỗi khi muốn gần thiếp, liền sai thủ hạ giả là có Trung sứ tuyên triệu. Lâu ngày, bà vợ biết chuyện đó. Vừa đúng có lệnh của Nghị tổ [Trịnh Doanh, tại vị: 1740-1767] sai Trung sứ triệu Mỗ vào bàn việc, bà vợ liền quát mắng, si nhục Trung sứ: ‘(...) Triệu, triệu cái nòi<sup>2</sup> ấy!’. Trung sứ về, bẩm báo lên. Nghị tổ rất giận, liền sai Trung sứ bắt [người đàn bà ấy] vào triều. (...) Lại có vị Thượng thư Mỗ nợ vợ ghen và hung dữ, người thiếp mới sinh con, bà vợ đến thăm, bỏ độc vào thang thuốc, khiến người thiếp bị chết. (...) Thủ hạ của Mỗ ấy lấy tới bốn người thiếp, mà [vợ và mấy người thiếp] không có tranh giành gì. Mỗ liền hỏi tên thủ hạ: ‘Người lấy đạo gì để tề gia mà khuê môn êm ấm như vậy?’. [Kẻ kia] trả lời rằng: ‘Người đòi lấy vợ, hoặc là tham giàu, hoặc là để dựa vào quyền thế nhà vợ, đám đàn bà không có hiểu biết, ít người không lấy cái [giàu sang, quyền thế] ấy mà lên mặt với chồng. Tôi thì không thế, chọn người đáng lấy mà nạp thì thiếp, còn kẻ không theo sự giáo hóa thì đuổi đi. Dẫu có ngang ngược, hung hãn cũng không thể giở trò gì được’. Mỗ thán cho là đúng”<sup>3</sup>. Trong trường hợp này, tác giả chỉ ghi lại việc người đổ phụ bị “sờ gáy” vì đụng chạm đến bề trên (Trung sứ của chúa Trịnh). *Hồng Đức thiện chính thư* thời Hậu Lê quy định rõ hình phạt dành cho người chồng để trong nhà có chuyện va chạm, xô xát vì ghen tuông: “Vợ cả, vợ lẽ ghen tuông đánh chửi lẫn nhau thì người chồng bị cạo trọc đầu vì vợ cả, vợ lẽ vi phạm tôn ti trật tự là do chồng không biết dạy bảo mà dẫn đến vậy”<sup>4</sup>. Trong *Kim Vân Kiều án*, Nguyễn Văn Thắng cũng góp phần củng cố định kiến giới “ghen ghét là phụ nhân chi thường trái” (ghen ghét, ghen tuông là lẽ thường của đàn bà) nhưng cũng không chấp nhận được cách hành xử của Hoạn Thư (“phép thường xét đến cũng không dung”)<sup>5</sup>. Điểm giống nhau giữa Nguyễn Du và Nguyễn Văn Thắng - hai nhà nho gần như cùng thời - là đều khá “bao dung” với “đổ phụ” này. Điều này càng chứng tỏ sự khác biệt của Nguyễn Du so với đương thời khi đánh giá những phụ nữ “phản diện”, như việc ông cảm thông với Dương Quý Phi (*Dương phi cố li*), đặc biệt là với Hoạn Thư, dù không phải ông không biết những hậu quả mà sự ghen tuông gây nên: Nhân vật được nhắc tới trong bài *Độc Tiểu Thanh kí* nổi tiếng của ông - nàng Phùng Tiểu Thanh - cũng là một nạn nhân đáng thương của thói ghen tuông, của chế độ vợ lẽ, nàng hầu.

Giữa xã hội nam quyền, những phụ nữ sống cảnh đời hậu phi cung nữ không những bị

<sup>1</sup> Xem thêm: Phạm Văn Hưng, *Tự sự của Trịnh tiết: Nhân vật liệt nữ trong văn học Việt Nam trung đại* (Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016), 111-112, 122-123.

<sup>2</sup> “Nòi”: nguyên văn là “đỉnh khí”, đồ chứa dùng trong luyện đan.

<sup>3</sup> Tôn Tôn, Trịnh Khắc Mạnh (Chủ biên), *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tập thành*, Tập 17 (Thượng Hải: Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, 2011), 363.

<sup>4</sup> Nguyễn Ngọc Nhuận (Chủ biên), *Diễn chế và pháp luật Việt Nam thời trung đại*, Tập 1, 466.

<sup>5</sup> Phạm Đan Quế, *Truyện Kiều và các nhà nho thế kỉ XIX*, 62.

thiếu thôn, kim nén, chèn ép về mặt tính dục mà phải chịu nhiều ràng buộc, ước thúc về mặt lễ nghi, đức hạnh do đàn ông đề ra. Trong thế kỉ XVI, *Cung trung bảo huấn* của Bùi Vịnh (1508-1545) đã nói rõ những chuẩn mực “quý báu” (bảo) mà các hậu phi, cung nữ phải tuân theo, trong đó có việc răn ngừa tính ghen tuông, đố kỵ<sup>1</sup>. Tuy nhiên, “bảo huấn” cũng chỉ là lí thuyết. Thực tế, các hậu phi, cung nữ không phải lúc nào cũng tuân theo những nguyên tắc đạo đức đó. *Đàm ni thân thế khẩu thuật* (Sư nữ họ Đàm kể chuyện thân thế) của Ngô Ngọc Du (thế kỉ XVIII) kể về thân phận của một ni sư ở chùa Trấn Quốc, một người từng được tiến cung, vốn đã cam chịu “Quạt khăn chửi phận nô tì/ Chín trùng mưa móc hồng chi tưới nhuần!”<sup>2</sup> nhưng không may được lọt vào mắt chúa Trịnh Sâm và bị Tuyên phi Đặng Thị Huệ đánh ghen, nhốt vào lãnh cung. Trong hoàn cảnh đó, Đặng Thị Huệ đóng vai đồ phụ và sau này, đến lượt Đặng Thị Huệ lại phải nhận “đòn ghen” của Thái phi Dương Ngọc Hoan. Cuối cùng, “Tuyên phi được vào hầu hạ lẳng tằm, đêm ngày chỉ gào khóc xin chết theo tiên vương [Trịnh Sâm]. Đến ngày giỗ ‘đại tường’ của tiên vương, Tuyên phi bèn uống thuốc độc mà chết”<sup>3</sup>. Trong thực tế lịch sử, các cung phi không chỉ cạnh tranh trực tiếp với nhau mà còn phải cạnh tranh với những đối thủ “phi truyền thống” (ở dạng đồn đoán, ngụy cơ) như Nữ học sĩ Nguyễn Thị Lộ (vợ Nguyễn Trãi). Theo Zbigniew Lew-Starowicz, “nhiều cung tần đã hoàn toàn bị đánh mất mọi quan hệ ân ái. Đây là căn nguyên dẫn đến ở họ các chứng loạn thần kinh, bệnh lãnh cảm, hay sinh sự và ghen tuông”<sup>4</sup>. Sự “oán” của người cung phi (không phải cung nữ) trong *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn Gia Thiều (1741-1798) có lẽ cũng là những mầm mống của ghen tuông, cung đấu chôn hậu cung, dù nó hướng đến “bạc quân vương” là chủ yếu. Dịch Trung Thiên có nói: “Các tướng lĩnh tranh giành lòng tin của quân vương, còn thế thiếp tranh giành tình cảm của ông chồng; nhưng mục đích thì vẫn giống nhau, tức là bài xích người khác để độc chiếm sự sủng ái”<sup>5</sup>. Tuy nhiên, ẩn sau đó là sự tranh giành vị trí, sự an toàn, bảo đảm cho tương lai nên nó luôn là một vòng luẩn quẩn không có hồi kết, vẫn tiếp diễn kể cả khi bạc quân chủ đã nằm xuống.

#### 2.4. Nhân vật đồ phụ trong văn học Việt Nam nửa sau thế kỉ XIX

Truyện Nôm *Trình thử* cho ta một hình ảnh về nhân vật đồ phụ (Chuột Cái) trong giai đoạn hậu kì của văn học Việt Nam trung đại. Trong truyện, nhân vật Chuột Đực dùng lại lí lẽ rất “truyền thống” để biện minh cho ý tưởng “nạp thiếp” của mình, đó là “Hiềm vì một chút số xui muộn mẫn”, tức chưa có con nối dõi<sup>6</sup>. Khi thấy Chuột Bạch không chuyển lòng, Chuột Đực lại dụ dỗ bằng việc vẽ ra hình ảnh “chính thất” (Chuột Cái) là người đủ các chuẩn mực của đạo đức mà Nho giáo quy định: “trăm anh lệnh tộc”, “ngọt ngào”, “chiều chồng”, cam chịu, chăm chỉ và đặc biệt là không ghen, và còn có ý định cưới vợ bé cho chồng (“Muốn cho được kẻ đỡ

<sup>1</sup> Xem thêm Phong Châu và Nguyễn Văn Phú (Giới thiệu, sưu tầm, chú thích), *Phủ Việt Nam cổ và kim* (Hà Nội: NXB Văn hoá - Thông tin, 2002), 129-130.

<sup>2</sup> Nguyễn Lộc (Chủ biên), *Tổng tập văn học Việt Nam*, Tập 7 (Hà Nội: NXB Khoa học xã hội, 2000), 530-531.

<sup>3</sup> Ngô gia văn phái, *Hoàng Lê nhất thống chí*, Tập 1, Nguyễn Đức Vân, Kiều Thu Hoạch dịch (Hà Nội: NXB Văn học, 1999), 97.

<sup>4</sup> Zbigniew Lew-Starowicz, *Quan hệ tình ái trong các cộng đồng, các tôn giáo, các nền văn hoá*, Nguyễn Tiến Tài, Nguyễn Văn Văn dịch (Hà Nội: NXB Lao động, 1994), 100.

<sup>5</sup> Dịch Trung Thiên, *Chuyện đàn ông, đàn bà Trung Quốc*, 217.

<sup>6</sup> Lê Văn Quán (Chủ biên), *Tổng tập văn học Việt Nam*, Tập 10 (Hà Nội: NXB Khoa học xã hội, 2000), 695.

đần”)<sup>1</sup>. Tuy nhiên, Chuột Bạch rất “tĩnh”. Lí luận của Chuột Bạch vẫn dựa trên kinh nghiệm sách vở và dân gian (“Phụ nhân đồ kị” - Đàn bà có tính ghen ghét) đồng thời cũng là một định kiến giới mà nam giới xây dựng, sau đó chính phụ nữ sử dụng lại để nhìn nhận, đánh giá về giới mình và chính bản thân mình, góp phần để họ “trở thành phụ nữ”<sup>2</sup>. Điều Chuột Bạch nói “Nhường cơm, nhường cháo, để ai nhường chồng”<sup>3</sup> dẫu là “phương ngôn” nhưng vẫn gợi nhắc đến câu “Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai” mà Hoạn Thư nói trong buổi Thúy Kiều báo ân báo oán. Thực tế cho thấy Chuột Bạch dự đoán không hề sai. Chuột Cái không “lí tưởng” như Chuột Đực tô vẽ mà thực là một đồ phụ. Ở Chuột Cái có điểm mà các nhân vật đồ phụ trong các tác phẩm trước đó không có: Chỗ dựa cho sự ghen tuông của Chuột Cái xuất phát từ việc cho rằng mình đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu sinh lí của chồng. Hơn một lần Chuột Cái kể lể về việc mình không hề “bỏ bê” quá lâu hay để chồng phải “đói khát” gì<sup>4</sup>. Con ghen của Chuột Cái chia ra làm hai chặng: chặng văng mình vật mảy với chồng và chặng gọi ngô Chuột Bạch. Ở đây, ngôn ngữ miêu tả đồ phụ trong *Truyện Kiều* cũng được kế thừa<sup>5</sup>. Điều Chuột Đực “ngán” nhất ở Chuột Cái là việc Chuột Cái “tía tai đồ mặt” và “vang lừng nói ra” làm ảnh hưởng đến thể diện của kẻ “tề gia”, khiến Chuột Đực sợ đến mức phải “van như cốc”, nhưng Chuột Cái vẫn không thôi “diễn thuyết” dù tự ý thức mình là người lăm điều, “xuông cấp” (“vú trể lưng teo”, “cà chín bầu già”), lớn tuổi (“tuổi đà nhi lập”, tức là khoảng ba mươi, tuổi “đã toan về già” như lời ca dao) và thua “đối thủ” ở khoản “ngon”, “sốt” (“chẳng ngon thời sốt”, tức yếu tố “lạ”)<sup>6</sup>. Tất nhiên, ngoài “lăm điều” thì phụ nữ trong trường hợp này không thể làm gì khác, bởi nếu “đánh đập chồng” thì phạm phải tội “bất mục” trong mười tội ác không thể dung thứ theo luật pháp thời xưa<sup>7</sup>. Trước tình hình đó, Chuột Đực lại một lần nữa khẳng định tư thế “tề gia” của mình: “Ta đây dễ nạt được nào/ Chẳng như kẻ quặp râu vào dẻ doi”<sup>8</sup>.

### 2.5. Tiêu chuẩn kép và định kiến giới qua hình tượng đồ phụ trong văn học Việt Nam trung đại

Có thể nói, các tác phẩm văn học trung đại không quan tâm nhiều đến số phận của các đồ phụ ở khía cạnh pháp lí. Trong *Sơn cư tạp thuật*, Đan Sơn chỉ quan tâm câu chuyện nhân quả, báo ứng, niềm tin tâm linh: “Hai con trai của người vợ [đầu độc người thiếp] ấy sinh ra, về sau cũng không có kết cục tốt đẹp”<sup>9</sup>. Điều này được duy trì thành một vệt tư duy tới tận truyện *Nôm Trinh thừ*. Khi Chuột Cái đi đánh ghen, bị muông đuổi đến mức phải “sa ao”, tác giả *Trinh thừ* xem đó là “báo ứng” mà một kẻ ghen tuông, lăm lời, không biết điều phải nhận lấy. Qua lời Hồ Huyền Quy, tác giả gửi gắm rất nhiều thông điệp, trong đó có cả những tiêu chuẩn kép. Nhân vật Hồ Huyền Quy cho rằng “hay ghen” là “già néo” dẫn đến “đứt dây”, “mình

<sup>1</sup> Lê Văn Quán (Chủ biên), *Tổng tập văn học Việt Nam*, Tập 10 (Hà Nội: NXB Khoa học xã hội, 2000), 703.

<sup>2</sup> Simone de Beauvoir, *Giới nữ*, Tập 1, Nguyễn Trọng Định dịch (Hà Nội: NXB Phụ nữ, 1996), 245.

<sup>3</sup> Lê Văn Quán (Chủ biên), *Tổng tập văn học Việt Nam*, 704.

<sup>4</sup> Như trên, 707, 710, 713.

<sup>5</sup> “Nàng rằng: ‘Sự đã quả nhiên’” (Lời Chuột Cái trong *Trinh thừ*); “Này này sự đã quả nhiên” (Lời Tú Bà trong *Truyện Kiều*).

<sup>6</sup> Lê Văn Quán (Chủ biên), *Tổng tập văn học Việt Nam*, 709, 710, 713.

<sup>7</sup> Nguyễn Ngọc Nhuận (Chủ biên), *Diễn chế và pháp luật Việt Nam thời trung đại*, Tập 1, 51.

<sup>8</sup> Lê Văn Quán (Chủ biên), *Tổng tập văn học Việt Nam*, 714.

<sup>9</sup> Tôn Tôn, Trịnh Khắc Mạnh (Chủ biên), *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tập thành*, 363.

làm mình chịu”, nên chồng “giận” cũng đúng, đồng thời đổ hết tội cho Chuột Cái (“Việc này con có vì người”) và khuyên Chuột Cái cam chịu, về “dễ dàng” cho chồng “người” giận<sup>1</sup>. Hồ Huyền Quy dẫn chuyện Chuột Đực dụ dỗ Chuột Bạch nhưng lại cho rằng chuyện Chuột Đực “lân la với tình” khi có “gái đẹp đến nhà” là bình thường. Theo Hồ Huyền Quy, điều “đại rồ” đáng trách của Chuột Cái là “chẳng cho” “chồng đi hoa nguyệt”, không chịu “khuyên dỗ thấp cao”, “cậy mình” với chồng, đồng thời là hai “tội” lớn đã được pháp luật “ghi nhận”: “cả ghen” (“Cả ghen nên nổi cay chua”) và “cả tiếng” (“Đàn bà cả tiếng tan hoang cửa nhà”)<sup>2</sup>. Dẫn Chuột Đực khoe Chuột Cái là “trâm anh lệnh tộc” nhưng qua cách nói của Chuột Cái (“Sương se mạ cạn đi về xiết bao”; “Tìm mỗi khuya sớm đã đi thay chàng”), liệu có thể cho rằng Chuột Cái gần tầng lớp bình dân hơn là tầng lớp quý tộc? Ở một khía cạnh khác, cái ghen bình dân, cái ghen bất bình đẳng (người phụ nữ ở cửa dưới) có thể trở thành một thứ “trang sức” để người đàn ông khinh thế ngạo vật, khoe khoang về “chiến tích” “thổ địa”, “cao lâu” của bản thân như trường hợp bài *Văn tế sống vợ* của Trần Tế Xương (1870-1907): “Hay mình thấy tở: nay Hàng Thao, mai phố Giấy mà bụng mình ghen?/ Hay mình thấy tở: sáng Tràng Lạc, tối Viễn Lai mà lòng mình sợ?”<sup>3</sup>.

Trong suốt mười thế kỉ văn học Việt Nam trung đại, nhân vật đồ phụ đều là chính thất của người đàn ông trong câu chuyện được kể, chưa có trường hợp thứ thất hay hầu thiếp, tình nhân ghen ngược. Chính *Hồng Đức thiện chính thư* thời Hậu Lê cũng mặc nhiên coi “ghen” là điều/việc thường thấy ở vợ cả: “Làm vợ cả phải có đức hạnh để làm gương. Người chồng trông cậy vào đức hạnh của người vợ hiền, cho nên không được ghen tuông, đố kỵ, làm trái đạo vợ chồng, làm cho vợ lẽ không có nơi nương tựa”<sup>4</sup>. Điều đó chứng tỏ chính thất có quyền lực cứng là địa vị mà pháp luật và đạo đức xã hội cấp cho nhưng về cơ bản không có hoặc kém hơn về quyền lực mềm mà thứ thất, hầu thiếp, tình nhân sở hữu: tuổi trẻ, sắc đẹp, sự “ngon”, “sốt” (như lời Chuột Cái) và cả tài năng nghệ thuật, sự “yếu đuối” trong vai vế và ứng xử. Thêm nữa, cũng chưa thấy nhân vật đồ phụ nào chọn việc “ăn nem” như một cách trả đũa những người chồng đa mang, “ăn chả”. Trong văn học trung đại, nhân vật đồ phụ thuộc nhóm nhân vật phản diện, nhân vật tiêu cực. Tuy nhiên, nhân vật đồ phụ dường như chưa từng là nhân vật chính trong những tác phẩm mang ý nghĩa trào phúng thời trung đại. Nếu trong một nền văn hóa, văn học khác, chi tiết Thúy Kiều “cả khía” Hoạn Thư ở “phiên tòa” báo ân báo oán và Chuột Cái đi đánh ghen bị ngã xuống ao rất có thể sẽ được đẩy lên thành chi tiết mang yếu tố hài hước, nhưng trong bối cảnh văn học Nho giáo “ôn nhu đôn hậu”, nó không được tận dụng và tạo điều kiện để trở thành ngòi nổ cho tiếng cười trào phúng. Trong thơ Nôm truyền tụng của Hồ Xuân Hương (một dòng mạch của thơ trào phúng), đề tài ghen tuông, lẽ mọn, lầy chồng chung cũng là những tiếng thơ cảm thán hoặc phẫn uất hơn là hài hước. Cũng như vậy, trừ nhân vật Tú Bà được miêu tả ngoại hình, các nhân vật đồ phụ khác đều không được miêu tả ngoại hình - một yếu tố rất quan trọng để “đánh” và gây cười nếu tác giả có chủ ý. Ngoài ra, trừ Hoạn Thư - cũng như Tú Bà, là một nhân vật được tạo tác trên

<sup>1</sup> Lê Văn Quán (Chủ biên), *Tổng tập văn học Việt Nam*, 717.

<sup>2</sup> Như trên, 716-720.

<sup>3</sup> Ngô Văn Phú (Biên soạn), *Tú Xương - Con người và tác phẩm* (Hà Nội: NXB Hội Nhà văn, 1998), 286.

<sup>4</sup> Nguyễn Ngọc Nhuận (Chủ biên), *Điện chế và pháp luật Việt Nam thời trung đại*, Tập 1, 439.

cơ sở vay mượn cốt truyện Trung Quốc - có đời sống tâm lí riêng, có sự đa chiều trong tính cách, các nhân vật đồ phụ còn lại hầu hết đều có đời sống tâm lí đơn giản, là nhân vật hành động, “ngôn chí”, và khá nhất phiến. Nếu như coi “ghen tuông” và “lắm điều” là “trời sinh một cặp” thì Hoạn Thư lại đi ngược mô hình thường gặp ấy. Bên cạnh đó, trong điều kiện tư liệu hiện tại, chưa thấy nhân vật đồ phụ nào đi từ sử sang văn. Âm hưởng “bao biếm khuyến trừng” về nhân vật đồ phụ còn mang màu sắc tâm linh như trong tài liệu giảng bút *Đồ phụ hại thiếp ác báo ca* (Bài ca về ác báo dành cho người vợ đồ kị, người thiếp tàn hại) - được cho là lời của Thượng Ngàn công chúa - tại xã Hạ Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội đầu thế kỉ XX (1907). Bài ca cho rằng nếu chậm chuyện con cái thì việc chồng lấy thêm người khác là chuyện thường tình trên đời. Sau khi chê bai việc đồ phụ hay buông ra những lời khó nghe, không sợ người đời đàm tiếu - những điều khiến các ông chồng rất ngại/ngán, tác giả bài ca răn dạy: “Chao ôi, đồ kị mấy người/ Trăm năm số tận vào nơi Huyết Tri”<sup>1</sup>.

Như vậy, theo quan niệm ngày trước, việc coi nam giới “coi nói” là chuyện thường, nữ giới ghen tuông, đồ kị là xấu được hậu thuẫn bởi cả sức mạnh của thế giới siêu nhiên lẫn đạo đức và pháp luật. Nếu coi việc thay đổi cách nhìn về vấn đề này là một khía cạnh, yếu tố của chủ nghĩa nhân đạo thì Nguyễn Du là tác giả duy nhất có sự cởi mở nhất định, còn lại vấn đề không có nhiều thay đổi trong suốt thời trung đại. Thậm chí một số nhà nho tân học đầu thế kỉ XX như Phan Kế Bính (1875-1921) cũng chưa thực sự cởi mở về chuyện này khi cho rằng: “Lắm điều ghen tuông thì là thói thường của đàn bà, có không thể chịu được thì lựa lời uốn nắn dần dần cũng phải được, sao nỡ vì một lỗi nhỏ mà tuyệt tình ân nghĩa [li dị]”<sup>2</sup>. Một số ý kiến trên báo chí nước ta thập niên 1930 cũng không ra ngoài tư duy này. Chẳng hạn, Tứ Ly (1933) cho rằng: “Ốt nào là ớt chẳng cay, sự ghen của đàn bà đã là một sự thông thường”; Mlle. Thanh Hiền (1933) biện bạch: “Các ông chó vợ bảo lỗi tại chị em chúng tôi: chính các ông là người gieo cái mầm ghen vào trong trí não non nớt, kém sự suy xét của phụ nữ”<sup>3</sup>. Dẫu là của nam giới hay nữ giới, bênh vực phụ nữ hay phụ nữ tự bênh vực, những lập luận trên vẫn đầy định kiến giới và mang tông giọng kẻ cả, nam quyền.

### 3. Kết luận

Từ chỗ là một mẫu hình nhân cách bị phê phán theo quan điểm Nho giáo, đồ phụ trở thành một kiểu nhân vật tiêu cực, phản diện trong văn học của nhà nho Việt Nam trung đại. Định kiến giới coi phụ nữ có bản tính “ghen tuông” (thường kèm thêm “lắm điều”) vốn là một sự dán nhãn của nam giới nhưng được sử dụng rộng rãi và chính phụ nữ cũng tự dán nhãn đó cho giới mình và cho bản thân mình mà không cần biết đến nguồn gốc sâu xa của điều đó là do chế độ đa thê, chế độ nàng hầu, vợ lẽ, những đặc quyền mà đàn ông được hưởng. Việc một số phụ nữ được “ru ngủ” bằng quyền của chính thất không khóa lấp được sự thực là chồng họ vẫn “tiền trăm hậu tâu” trong chuyện “coi nói”, và phản ứng của họ (thường nhắm đến tình địch) không phải là một biểu hiện tích cực của nữ quyền. Sự “đánh dấu chủ quyền” của các bà vợ đối với chồng vẫn mang tính tự phát, thiên nhiều về cảm xúc. Cách các tác giả trung đại xây

<sup>1</sup> Ủy ban Nhân dân xã Hạ Mỗ, *Di sản Hán Nôm xã Hạ Mỗ: Cổ kim truyền lục*, Tập Lợi (Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm, 2024), 175-176.

<sup>2</sup> Phan Kế Bính, *Việt Nam phong tục* (Hà Nội: NXB Kim Đồng, 2017), 64.

<sup>3</sup> Nguyễn Minh Huệ, Vũ Thị Thanh Loan, Đào Thị Hải Thanh (Tuyển soạn), *Tự Lực văn đoàn với vấn đề phụ nữ ở nước ta*, Đoàn Ánh Dương giới thiệu (Hà Nội: NXB Phụ nữ Việt Nam, 2021), 161, 165.

dựng, cái nhìn của họ về nhân vật đồ phụ cũng như cảm hứng chủ đạo của họ về nhân vật này thể hiện một điều: Dẫu có những yếu tố mang tính “cách mạng” trong câu chuyện yêu đương nam nữ nhưng đề tài về giải phóng phụ nữ, câu chuyện đồ phụ (một khía cạnh của chủ nghĩa nhân đạo) dường như vẫn đậm chân tại chỗ, luẩn quẩn sau từng ấy thế kỉ, mà *Truyện Kiều* của Nguyễn Du chỉ là một đốm sáng lẻ loi (với cốt truyện chủ yếu là vay mượn). Ghen tuông ghen như chưa từng là “gia vị” của tình yêu và nhân vật đồ phụ chưa từng là nhân vật của văn học trào phúng. Việc bênh vực nhân vật đồ phụ một chiều, coi họ hoàn toàn là nạn nhân của chế độ đa thê đương nhiên cũng không phải là một cách làm thoả đáng.

Tuy nhiên, có một thực tế là dẫu được chuẩn mực đạo đức xã hội, pháp luật quốc gia “bật đèn xanh” nhưng chưa thấy nhân vật nam nào chủ động li dị vì vợ hay ghen cả.

### Tài liệu tham khảo

- Bénac, Henri. *Dẫn giải ý tưởng văn chương*, Nguyễn Thế Công dịch. Hà Nội: NXB Giáo dục, 2005.
- Cù Hựu, Nguyễn Dữ. *Tiền đăng tân thoại, Truyện kì mạn lục*. Phạm Tú Châu, Ngô Văn Triệu dịch. Trần Thị Băng Thanh giới thiệu và chỉnh lí. Hà Nội: NXB Văn học, 1999.
- De Beauvoir, Simone. *Giới nữ*. Tập 1. Nguyễn Trọng Định dịch. Hà Nội: NXB Phụ nữ, 1996.
- De Beauvoir, Simone. *Giới nữ*. Tập 2. Nguyễn Trọng Định dịch. Hà Nội: NXB Phụ nữ, 1996.
- Dịch Trung Thiên. *Chuyện đàn ông, đàn bà Trung Quốc*. Sơn Lê dịch. Hà Nội: NXB Phụ nữ, 2014.
- Đào Duy Anh (Biên soạn). *Hán Việt từ điển giản yếu*. Hãn Mạn Tử hiệu đính. Sài Gòn: Trường Thi xuất bản, 1957.
- Đỗ Thị Hảo (Chủ biên). *Các nữ tác gia Hán Nôm Việt Nam*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội, 2010.
- Hoàng Phê (Chủ biên). *Từ điển Tiếng Việt*. Đà Nẵng & Hà Nội: NXB Đà Nẵng & Trung tâm Từ điển học, 2020.
- Lew-Starowicz, Zbigniew. *Quan hệ tình ái trong các cộng đồng, các tôn giáo, các nền văn hoá*. Nguyễn Tiến Tài, Nguyễn Văn Văn dịch. Hà Nội: NXB Lao động, 1994.
- Lê Văn Quán (Chủ biên). *Tổng tập văn học Việt Nam*. Tập 10. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội, 2000.
- Ngô gia văn phái. *Hoàng Lê nhất thống chí*. Tập 1. Nguyễn Đức Vân, Kiều Thu Hoạch dịch. Hà Nội: NXB Văn học, 1999.
- Ngô Văn Phú (Biên soạn). *Tử Xương - Con người và tác phẩm*. Hà Nội: NXB Hội Nhà văn, 1998.
- Nguyễn Hữu Hào. *Truyện Song Tinh*. Hoàng Xuân Hãn biên khảo, giới thiệu. Hà Nội: NXB Văn học, 1987.
- Nguyễn Lộc (Chủ biên). *Tổng tập văn học Việt Nam*. Tập 7. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội, 2000.
- Nguyễn Minh Huệ, Vũ Thị Thanh Loan, Đào Thị Hải Thanh (Tuyển soạn). *Tự Lực văn đoàn với vấn đề phụ nữ ở nước ta*. Đoàn Ánh Dương giới thiệu. Hà Nội: NXB Phụ nữ Việt Nam, 2021.
- Nguyễn Ngọc Nhuận (Chủ biên). *Điện chế và pháp luật Việt Nam thời trung đại*. Tập 1. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội, 2011.
- Nguyễn Ngọc Nhuận (Chủ biên). *Điện chế và pháp luật Việt Nam thời trung đại*. Tập 3A. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội, 2011.

- Nhất Thanh. *Đất lề quê thói*. Hà Nội: NXB Văn hóa - Thông tin, 2001.
- Nhiều tác giả. *Lịch sử văn hoá Trung Quốc*. Tập 1. Trần Ngọc Nhuận, Đào Duy Đạt, Đào Phương Chi dịch. Hà Nội: NXB Văn hoá - Thông tin, 1999.
- Phạm Đan Quế. *Truyện Kiều đối chiếu*. Hà Nội: NXB Hà Nội, 1991.
- Phạm Đan Quế. *Truyện Kiều và các nhà nho thế kỉ XIX*. Hà Nội: NXB Thanh niên, 2003.
- Phạm Văn Hưng. *Tự sự của Trinh tiết: Nhân vật liệt nữ trong văn học Việt Nam trung đại*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016.
- Phan Kế Bính. *Việt Nam phong tục*. Hà Nội: NXB Kim Đồng, 2017.
- Phan Khôi. *Vấn đề phụ nữ ở nước ta*. Lại Nguyên Ân giới thiệu và tuyển chọn. Hà Nội: NXB Phụ nữ, 2017.
- Phong Châu, Nguyễn Văn Phú (Giới thiệu, sưu tầm, chú thích). *Phụ Việt Nam cổ và kim*. Hà Nội: NXB Văn hoá - Thông tin, 2002.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Tập 1. Tổ Biên dịch Viện Sử học dịch. Hà Nội: NXB Giáo dục, 2007.
- Thư Tân Thành, Thẩm Di, Từ Nguyên Cáo, Trương Tương (Chủ biên). *Từ hải*. Hợp đính bản. Đài Loan: Trung Hoa thư cục, 1947.
- Tôn Tồn, Trịnh Khắc Mạnh (Chủ biên). *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tập thành*. Tập 17. Thượng Hải: Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, 2011.
- Trần Thế Pháp. *Lĩnh Nam chích quái*. Vũ Quỳnh, Kiều Phú nhuận chính. Đinh Gia Khánh, Nguyễn Ngọc San phiên dịch. TP. Hồ Chí Minh & Gia Lai: NXB Trẻ & NXB Hồng Bàng, 2013.
- Trịnh Bá Đĩnh, Nguyễn Hữu Sơn, Vũ Thanh (Tuyển chọn và giới thiệu). *Nguyễn Du, về tác gia và tác phẩm*. Hà Nội: NXB Giáo dục, 2003.
- Ủy ban Nhân dân xã Hạ Mỗ. *Di sản Hán Nôm xã Hạ Mỗ: Cổ kim truyền lục*. Tập Lợi. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm, 2024.
- Viện Sử học. *Nguyễn Trãi toàn tập*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội, 1976.